TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **228**/2026/QĐST-HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 14 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số: 165/2026/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 3 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị H,** sinh ngày 04/8/1989. Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn*: Anh **Khổng Thành Đ,** sinh ngày 07/05/1980. Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Nguyễn Thị H** và anh **Khổng Thành Đ**.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 36, ngày 29 tháng 10 năm 2007 tại UBND xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã T, tỉnh Tuyên Quang))

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cháu Khổng Xuân T, sinh ngày 05/12/2008 cho anh K Thành Đồng là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Giao cháu Khổng Anh T1, sinh ngày 08/11/2014 cho chị Nguyễn Thị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Chị Nguyễn Thị H và anh Khổng Thành Đ không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau và được quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H và anh K Thành Đồng đều xác định tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh K Thành Đồng đều xác định tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H tự nguyện nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000014332236, ngày 27/3/2026 của Công ty cổ phần T2 và Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Toà án số: 99, ngày 27/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Chị Nguyễn Thị H còn được nhận lại số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Khổng Thành Đ không phải nộp tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 1 – Tuyên Quang (02 bản);
- THADS tỉnh Tuyên Quang (để thi hành);
- UBND xã T (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

THẨM PHÁN

Tạ Hồng Chiến